

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học

Năm học 2025 - 2026

A. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

I. Quy mô mạng lưới trường, lớp

* Quy mô trường lớp, học sinh: Tổng số học sinh toàn trường là 1326 học sinh, gồm 31 lớp trong đó có 8 lớp 6; 8 lớp 7, 8 lớp 8 và 7 lớp 9. Tất cả các lớp đều có sĩ số trên 40 học sinh.

* Tình hình đội ngũ:

Tổng số CBGVNV: 68 người, trong đó: Nữ: 54 người.

Trong đó: BGH: 02, GVTPT: 01, GV: 58, NV: 07, Đảng viên: 26

Trình độ đào tạo CB-GV-NV: Thạc sĩ: 04; Đại học: 60; Cao đẳng: 02; 12/12: 01; 8/12: 01.

- Thuận lợi:

+ Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đông đủ với 68 người, cơ bản đáp ứng nhu cầu giảng dạy, quản lý và phục vụ trong nhà trường.

+ Tỷ lệ giáo viên có trình độ chuyên môn cao khá tốt; đa số đạt trình độ đại học trở lên, trong đó có 04 thạc sĩ, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và đổi mới phương pháp giáo dục.

+ Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học.

+ Phụ huynh ngày càng quan tâm đến việc học tập của học sinh, phối hợp khá tốt với nhà trường trong công tác giáo dục đạo đức và rèn luyện học sinh.

- Khó khăn:

+ Một số lớp có sĩ số lớn hơn 40 HS ảnh hưởng đến việc quan tâm sát sao từng học sinh, đặc biệt là học sinh yếu, học sinh cá biệt hoặc học sinh có hoàn cảnh khó khăn; đồng thời việc tổ chức hoạt động thực hành, trải nghiệm gặp khó khăn.

+ Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số giữa các giáo viên chưa đồng đều; một số giáo viên còn hạn chế về kỹ năng công nghệ.

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, phòng bộ môn chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu với quy mô học sinh đông; thiết bị dạy học lớp 8, lớp 9 cần được bổ sung.

+ Một bộ phận phụ huynh còn bận rộn mưu sinh nên chưa phối hợp thường xuyên với nhà trường trong việc quản lý, theo dõi học sinh ngoài giờ học.

+ Học sinh ở lứa tuổi THCS có nhiều biến động về tâm sinh lý; tình trạng sử dụng điện thoại, mạng xã hội, trò chơi trực tuyến ảnh hưởng đến ý thức học tập và kỹ năng giao tiếp của một số em.

+ Áp lực về chất lượng giáo dục, thi đua, các kỳ thi học sinh giỏi, tuyển sinh lớp 10 và yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông đặt ra nhiều thách thức cho nhà trường và giáo viên.

II. Điều kiện đảm bảo thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học

1. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

a. Kết quả thực hiện:

- Số phòng học tăng lên, đáp ứng nhu cầu học 1 buổi/ngày cho toàn bộ học sinh. Hiện tại có 31 lớp với 1336 học sinh, được bố trí học tập ổn định

- Thư viện bổ sung tủ sách lớp học, tài liệu giáo dục địa phương và một số học liệu số hỗ trợ cho giáo viên và học sinh trong dạy học tích cực.

- Tăng cường ứng dụng CNTT: nhiều giáo viên khai thác tốt phần mềm dạy học, hệ thống quản lý học sinh, thực hiện việc chuyển đổi số trên CSDL ngành và dạy học.

- Nhà trường đã chủ động mua sắm bàn ghế còn thiếu, tu sửa cơ sở vật chất phòng học, đầu tư trang thiết bị cơ bản để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy lớp 6,7,8,9. Ở thời điểm hiện tại trường có 14 phòng học khang trang, sạch đẹp và thoáng mát, cải tạo 1 phòng nghệ thuật thành phòng học; mỗi phòng đều có trang bị Tivi, máy tính kết nối mạng và Camera đáp ứng nhu cầu dạy học của nhà trường;

- Thiết bị dạy học tối thiểu cho các môn học được quan tâm bổ sung, mua sắm kịp thời. Tuy nhiên, một số thiết bị dạy học dành cho khối 8, 9 hiện chưa được cập đầy đủ nên phần nào ảnh hưởng đến việc tổ chức dạy học và khai thác hiệu quả các hoạt động thực hành, trải nghiệm.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Do quy mô học sinh ngày càng tăng, nhà trường phải cải tạo phòng học bộ môn Nghệ thuật thành phòng học văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu bố trí lớp học.

- Một số phòng học được xây dựng từ lâu nên diện tích còn hạn chế, chưa đáp ứng tốt yêu cầu học tập và tổ chức các hoạt động dạy học đối với sĩ số học sinh ngày càng đông.

- Bàn ghế và một số trang thiết bị tại nhiều phòng học đã cũ, xuống cấp, hư hỏng sau thời gian dài sử dụng, ảnh hưởng phần nào đến điều kiện dạy và học.

- Ý thức giữ gìn, bảo vệ cơ sở vật chất của một bộ phận học sinh chưa cao; tình trạng làm hư hỏng bàn ghế, viết vẽ lên bàn học, tường lớp vẫn còn xảy ra ở một số lớp.

2. Bảo đảm sách giáo khoa và tài liệu giáo dục địa phương

a. Kết quả thực hiện

- Giáo viên được trang bị đầy đủ sách giáo khoa, sách giáo viên và các tài liệu phục vụ công tác giảng dạy theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Tài liệu giáo dục địa phương được triển khai đúng theo hướng dẫn của ngành; giáo viên tích cực lồng ghép nội dung giáo dục địa phương vào quá trình dạy học nhằm giúp học sinh hiểu hơn về văn hóa, lịch sử và con người địa phương.
- Công tác tuyên truyền, vận động phụ huynh chuẩn bị sách giáo khoa cho học sinh được thực hiện kịp thời; đa số học sinh có đầy đủ sách giáo khoa để học tập.
- Thư viện nhà trường đã bổ sung một số đầu sách phục vụ nhu cầu học tập, tham khảo của giáo viên và học sinh.

b. Tồn tại, hạn chế

- Việc bảo quản sách giáo khoa của một bộ phận học sinh chưa tốt, còn xảy ra tình trạng sách hư hỏng trong quá trình sử dụng.
- Một số nội dung tài liệu giáo dục địa phương còn ít hình ảnh, tư liệu trực quan nên việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tạo hứng thú học tập cho học sinh đôi lúc còn hạn chế.

3. Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và tăng cường hoạt động sinh hoạt chuyên môn

a. Kết quả thực hiện

- Nhà trường tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do ngành tổ chức, đặc biệt là các nội dung liên quan đến thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và chuyển đổi số trong giáo dục, cụ thể triển khai các công văn tập huấn chuyên môn, tập huấn về kiểm tra đánh giá, tập huấn về lồng ghép giáo dục quốc phòng an ninh và chuyển đổi số trong giáo dục đến đội ngũ, cụ thể các công văn đã triển khai:

+ Công văn số 308/SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 29/7/2025 v/v tập huấn, hướng dẫn Kiểm tra, đánh giá năng lực các môn học lớp 1 - lớp 9 theo quy định hiện hành.

+ Công văn số 536/SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 12/8/2025 v/v tổ chức tập huấn chương trình giáo dục STEM cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học, THCS; chương trình ứng dụng AI trong chuyển đổi số dành cho học sinh cấp Tiểu học, THCS và THPT.

+ Kế hoạch số 563/KH-SGDĐT ngày 13/8/2025 v/v tổ chức tập huấn chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp THCS và THPT để chuẩn bị dạy học năm học 2025-2026 .

+ Công văn số 652/SGDĐT-GDTH ngày 19/8/2025 v/v tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực kiểm tra, đánh giá cho giáo viên môn Tiếng Anh.

+ Công văn số 532/KH-SGDĐT ngày 12/8/2025 v/v tập huấn cán bộ quản lí, giáo viên giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh các trường trung học phổ thông; lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trung học cơ sở năm 2025.

+ Công văn số 1330/SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 26/9/2025 v/v tập huấn, nâng cao năng lực thực hiện kiểm tra, đánh giá các môn học từ lớp 6 đến lớp 9.

Bên cạnh đó, thực hiện các văn bản chỉ đạo của Sở GD&ĐT, Phòng VHXXH và các cụm chuyên môn, nhà trường đã tích cực tham gia và phối hợp tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên môn liên trường, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên. tăng cường hoạt động sinh hoạt chuyên môn, cụ thể triển khai các văn bản sinh hoạt cụm chuyên môn đến các tổ:

+ Công văn số 2043/SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 28/11/2025 v/v sinh hoạt Cụm chuyên môn số 1 cấp THCS môn Lịch sử và Địa lí.

+ Công văn số 126/KH-THCSLL ngày 29/11/2025 v/v tổ chức sinh hoạt chuyên môn Cụm chuyên môn Số 01 môn Khoa học tự nhiên cấp Trung học cơ sở năm học 2025 - 2026.

+ Công văn số 67/KH-THCS ngày 10/11/2025 v/v tổ chức sinh hoạt chuyên môn Cụm 1 môn GDTC, Âm nhạc, Mỹ thuật cấp thành phố lần thứ I năm học 2025-2026.

+ Công văn số 69/VHXXH ngày 02/08/2025 v/v tổ chức tham gia Hội thảo trực tuyến về Ứng dụng học và kiểm tra đánh giá GlobalSpeak và TestReady với nội dung: dạy và học ngoại ngữ trong kỉ nguyên công nghệ số.

+ Kế hoạch về việc tổ chức sinh hoạt Cụm số 1 môn Toán cấp THCS năm học 2025 – 2026 ngày 10/3/2026 của cụm chuyên môn số 1 môn toán cấp THCS.

+ Công văn số 52/KH-THCSNBK ngày 02/03/2026 v/v tổ chức sinh hoạt chuyên môn Cụm chuyên môn Số 01 môn tiếng Anh cấp THCS năm học 2025 - 2026.

- Thông qua các đợt sinh hoạt cụm chuyên môn ở các bộ môn như Toán, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Tiếng Anh, GDTC, Âm nhạc, Mỹ thuật..., giáo viên có điều kiện trao đổi kinh nghiệm, thống nhất nội dung và phương pháp giảng dạy, chia sẻ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục theo Chương trình GDPT 2018.

- Các hoạt động chuyên môn được tổ chức đa dạng với nhiều hình thức như dự giờ, nghiên cứu bài học, thảo luận chuyên đề, thao giảng và trao đổi trực tuyến; qua đó góp phần nâng cao kỹ năng tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá và ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên.

- Nhà trường tạo điều kiện để giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, hội thảo chuyên môn, đặc biệt là các nội dung liên quan đến chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong dạy học và kiểm tra đánh giá, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của đội ngũ.

- Qua các đợt tập huấn và sinh hoạt chuyên môn, giáo viên đã từng bước nâng cao khả năng vận dụng phương pháp dạy học tích cực, khai thác hiệu quả thiết bị dạy học và ứng dụng các nền tảng số vào quá trình giảng dạy.

- Việc tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo cụm đã tạo môi trường để giáo viên giao lưu, học hỏi kinh nghiệm giữa các đơn vị trường học, góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn tại nhà trường.

- Đội ngũ giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

- Các tổ chuyên môn duy trì sinh hoạt định kỳ theo kế hoạch; chú trọng trao đổi chuyên môn, xây dựng kế hoạch bài dạy, nghiên cứu bài học và tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Nhà trường quan tâm tổ chức thao giảng, dự giờ, hội giảng, góp phần nâng cao tay nghề và chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy giữa giáo viên. Năm học 2025-2026, nhà trường đã tổ chức 34 tiết thao giảng, 7 tiết hội giảng, 33 lần sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học ở các tổ chuyên môn.

- Giáo viên tích cực tham gia các cuộc thi, phong trào thi đua, viết sáng kiến kinh nghiệm và nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tinh thần đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau trong đội ngũ được phát huy; cán bộ, giáo viên có ý thức tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp.

b. Tồn tại, hạn chế

- Một số giáo viên còn gặp khó khăn trong việc khai thác hiệu quả các phần mềm, thiết bị dạy học số.

- Chất lượng chuyên môn giữa các giáo viên chưa thật sự đồng đều; khả năng tiếp cận và vận dụng các phương pháp dạy học mới ở một số giáo viên còn hạn chế.

- Khối lượng công việc chuyên môn và hồ sơ nhiều nên thời gian dành cho nghiên cứu chuyên sâu, tự bồi dưỡng chuyên môn của giáo viên còn hạn chế.

- Hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học tuy đã triển khai nhưng hiệu quả ở một số tổ chuyên môn chưa thật sự đồng đều.

- Một số giáo viên còn tâm lý ngại đổi mới, chưa mạnh dạn chia sẻ hoặc áp dụng các phương pháp dạy học mới trong thực tiễn giảng dạy.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Thực hiện chương trình giáo dục trung học

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

(Nêu rõ việc tổ chức xây dựng và triển khai tổ chức các hoạt động kế hoạch giáo dục của nhà trường trong đó có việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục các môn/hoạt động giáo dục: Khoa học tự nhiên, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Nội dung giáo dục của địa phương; các môn học lựa chọn và

chuyên đề học tập lựa chọn; dạy học ngoại ngữ; giáo dục thể chất, giáo dục tích hợp,...)

1.1. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) nhà trường

1.1.1. Công tác chỉ đạo xây dựng KHGD nhà trường

a. Nội dung chỉ đạo xây dựng KHGD nhà trường

- Tiếp tục thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) lớp 6, 7, 8, 9 trong năm học 2025-2026; Căn cứ các văn bản hướng dẫn của SGD và PGD: 1093/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025- 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; công văn số 867/SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 15/8/2024 của Sở GDĐT Đà Nẵng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học cơ sở năm học 2025-2026; công văn số 867/SGDĐT-GDTrH&HSSV về lịch công tác trọng tâm Giáo dục Trung học và Học sinh, sinh viên năm học 2025-2026; nhà trường đã tiến hành xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ và học sinh; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường như sau:

- Đầu năm học, các bộ phận trong nhà trường tiến hành khảo sát thực tế về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, thiết bị dạy học và các điều kiện hỗ trợ hiện có. Đánh giá các điểm mạnh, hạn chế và nhu cầu cần bổ sung để đáp ứng yêu cầu giáo dục. Từ đó đề ra các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn phù hợp với tình hình phát triển của nhà trường và lập nội dung kế hoạch giáo dục chi tiết theo từng giai đoạn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận liên quan.

- Sau khi hoàn thiện, kế hoạch giáo dục được xem xét, chỉnh sửa và phê duyệt bởi Ban Giám hiệu và công bố kế hoạch tới toàn thể giáo viên, nhân viên và các tổ chuyên môn, bộ phận có liên quan để cùng triển khai.

- Việc huy động và quản lý các nguồn lực trong xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 được quan tâm sát sao, trong đó chú trọng việc đánh giá và nâng cấp các phòng học, phòng chức năng, khu vực sân chơi, nhà vệ sinh... Trang thiết bị dạy học được trang bị đầy đủ ở các phòng học, bảo dưỡng định kỳ và cập nhật công nghệ mới để phục vụ tốt nhất cho việc giảng dạy. Thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm cho đội ngũ giáo viên và nhân viên. Tăng cường kết nối với cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức giáo dục để huy động thêm nguồn lực. Động viên tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

1.1.2. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch dạy học (KHDH) các môn học, hoạt động giáo dục (HĐGD)

a. Báo cáo việc xây dựng và thực hiện KHDH của các môn học, các HĐGD:

Thực hiện tốt việc dạy học các môn học đảm bảo đủ, đúng nội dung chương trình, tiếp tục duy trì việc thực hiện chương trình GDPT 2018 ở lớp 6,7, 8,9.

Thực hiện đảm bảo tất cả các bộ môn theo quy định gồm: Văn học, Tiếng Anh, Toán, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Giáo dục công dân, Công nghệ, Nghệ thuật (Mỹ thuật, Âm nhạc), Giáo dục thể chất, Tin học, tiếng Anh.

Về việc tổ chức các hoạt động giáo dục, nhà trường đã tổ chức tốt các hoạt động giáo dục, chú trọng hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; phối hợp với ban hoạt động ngoài giờ lên lớp, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường xây dựng chương trình hoạt động phù hợp nhằm rèn luyện kỹ năng sống trong học sinh; Đẩy mạnh giáo dục thẩm mỹ, văn nghệ, thể dục thể thao, tiếp tục tổ chức tốt hoạt động các câu lạc bộ bóng đá, câu lạc bộ music, câu lạc bộ Tiếng Anh ... trong học sinh; Triển khai công tác tư vấn, hỗ trợ học sinh khuyết tật trong trường học.

Đối với môn giáo dục địa phương: Triển khai công văn số 852/SGDDĐT-GDTrH&HSSV ngày 29/8/2025 về việc hướng dẫn thực hiện Nội dung giáo dục của địa phương cấp THCS, THPT năm học 2025-2026; nhà trường phân công cho giáo viên nhóm Lịch sử – Địa lý đảm nhiệm giảng dạy chương trình GDĐP 6,7,8,9; trong đó phân công giáo viên biên soạn lại nội dung từng chủ đề theo hệ thống chủ đề mới. Thực hiện hành xây dựng kế hoạch dạy học đối với Nội dung giáo dục của địa phương, phân công giáo viên giảng dạy phù hợp với nội dung của chủ đề. Đồng thời, căn cứ điều kiện thực tế của nhà trường và đặc điểm của địa phương để thực hiện linh hoạt, phù hợp, đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục, không gây áp lực, quá tải cho giáo viên, học sinh. Khi xây dựng hệ thống chủ đề mới, việc hoán đổi thứ tự chủ đề trong mỗi lớp, giữa các lớp, giữa các cấp học so với Tài liệu GDĐP của tỉnh Quảng Nam (cũ) và thành phố Đà Nẵng (cũ) là không thể tránh khỏi. Vì vậy, trong quá trình tổ chức dạy học các chủ đề mới, có thể gặp tình huống học sinh học lại một số chủ đề (vì chủ đề này đã được học ở lớp dưới của Tài liệu cũ) hoặc học sinh chưa được học một số chủ đề (vì chủ đề này đã chuyển xuống lớp dưới của Tài liệu mới),... Vì vậy, tổ chuyên môn có thể chủ động thay đổi thứ tự chủ đề trong mỗi khối, đồng thời tích hợp, bổ sung một số nội dung cho phù hợp để đảm bảo tính liên mạch, phát huy hiệu quả giáo dục.

Đối với môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử- Địa lý: Thực hiện việc phân công giáo viên dạy học môn học bảo đảm yêu cầu phù hợp với năng lực chuyên môn của giáo viên. Nhà trường đã thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học hình thức dạy song song cả 3 phân môn Lý, Hóa, Sinh đối với môn KHTN và dạy song song 2 phân môn Lịch sử - Địa lý đối với môn LS-ĐL. Chủ động bố trí thời khóa biểu linh hoạt đảm bảo việc dạy học các mạch nội dung trong từng học kì phù hợp với việc phân công giáo viên dạy học, bảo đảm tính khoa học, khả năng thực hiện giảng dạy và định mức giờ dạy của giáo viên.

Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: Các nhóm chuyên môn HĐTN-HN của từng khối 6,7,8,9 chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục trong đó xác định cụ thể nội dung hoạt động và thời lượng thực hiện theo từng loại hình hoạt động quy định trong chương trình; Linh hoạt thời lượng dành cho các loại hình hoạt động với quy mô tổ chức khác nhau giữa các tuần; Giáo viên đảm nhận nội dung nào thì được thể hiện trên kế hoạch giáo dục và được tính giờ

thực hiện đối với nội dung đó theo phân phối chương trình (không trùng với nhiệm vụ của giáo viên làm chủ nhiệm lớp theo quy định hiện hành). Việc thực hiện môn HĐTN-HN được tổ chức theo chủ đề thực hiện tập trung cho mỗi khối 1 - 2 lần/tháng.

Triển khai thực hiện dạy học lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh và nội dung giáo dục tích hợp phòng tránh tai nạn bom mìn, vật liệu nổ .

a. Nội dung:

- Thực hiện dạy học lồng ghép trong các môn học và hoạt động giáo dục đối với từng lớp, theo sách giáo khoa do nhà trường lựa chọn, phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh ở từng địa phương, tập trung vào các môn học: Ngữ văn; Giáo dục công dân; Lịch sử và Địa lí; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Nội dung giáo dục địa phương; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- Chủ đề lồng ghép chung từ lớp 6 đến lớp 9:

+ Đối với nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh: Giáo dục tinh thần đoàn kết, yêu nước của dân tộc Việt Nam trong dựng nước và giữ nước qua các thời kì lịch sử; bảo vệ chủ quyền biển, đảo; bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia; quyền lợi, trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giới thiệu một số sự kiện lịch sử chống giặc ngoại xâm; một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội; giới thiệu một số nội dung về phòng, chống tệ nạn xã hội đối với học sinh; chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Nhà nước.

+ Đối với nội dung giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ: Nhằm mục đích trang bị năng lực phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ bao gồm các thành phần : Nhận biết đặc điểm của bom mìn, vật nổ, nguyên nhân tai nạn bom mìn, vật nổ và cách phòng tránh, hậu quả và cách phòng tránh tai nạn BMVN, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học vào việc phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ và Vận dụng kiến thức kỹ năng đã học khi đối xử với người khuyết tật.

b. Thời lượng lồng ghép

- Thời lượng lồng ghép bảo đảm đủ nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh, phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ cần truyền đạt, không làm tăng thời lượng học của các môn học và hoạt động giáo dục.

c. Yêu cầu:

- Đối với nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh: Học sinh hiểu biết về truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc qua các thời kì lịch sử dựng nước và giữ nước; truyền thống của Quân đội Nhân dân Việt Nam, Công an Nhân dân Việt Nam và Dân quân tự vệ; chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo và an ninh biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Hình thành nhận thức về quốc phòng, an ninh ở mức độ đơn giản, trách nhiệm của học sinh đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Có lòng tự hào, tự tôn dân tộc, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, có ý thức tổ chức kỉ luật, tinh thần đoàn kết và tự giác chấp hành các quy định của pháp luật.

- Đối với nội dung giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ: Thông qua các bài giảng của giáo viên và các hoạt động trải nghiệm, học sinh được khuyến khích tìm hiểu các nội dung bài học tích hợp GDPTTNBMVN và tích cực tham gia vào hoạt động học tập cũng như áp dụng các kiến thức và kỹ năng vào thực tế trong cuộc sống.

- Tích cực tham gia các hoạt động truyền thông phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ.

d. Đánh giá công tác chỉ đạo, thực hiện

- Kết quả đạt được

+ Đã xây dựng được kế hoạch dạy học cho cả năm học, thống nhất được phân phối chương trình đặc biệt môn KHTN và môn LS-ĐL nhờ đó giảm tải được số lượt chia thời khóa biểu và bước đầu tránh được tình trạng quá tải cho giáo viên dạy các môn trên trong cùng một thời điểm.

+ Đảm bảo dạy đủ số môn học với thời lượng đúng theo quy định.

- Tồn tại, hạn chế

+ Cơ sở vật chất nhà trường quá tải làm ảnh hưởng nhiều đến việc bố trí dạy học các môn HĐTN,HN

+ Một bộ phận giáo viên trẻ khi lên lớp còn lạm dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học.

1.1.3. Thực hiện dạy học đối với học sinh khuyết tật (HSKT), học sinh vùng dân tộc thiểu số (DTTS):

Trong năm qua nhà trường có 23 em học sinh khuyết tật đang học hòa nhập các lớp học, thầy cô giáo chủ nhiệm cùng các giáo viên bộ môn đã xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng em, phân công thầy cô giảng dạy các lớp có trẻ khuyết tật, thực hiện đầy đủ hướng dẫn về việc giảng dạy hỗ trợ các em hòa nhập cùng bạn bè. Các em thực hiện đầy đủ các yêu cầu kế hoạch giáo dục cá nhân, đa số có nhiều cố gắng hòa nhập cùng bạn bè.

- Tổ chức thực hiện dạy học HSKT

+ Đối với học sinh khuyết tật: Thực hiện tốt công tác giáo dục hoà nhập theo Công văn số 942/SGDDĐT ngày 04/9/2026 của Sở GDĐT Đà Nẵng về việc hướng dẫn công tác giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2025-2026. Tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ khuyết tật học tập. Đánh giá chất lượng học tập của HS khuyết tật theo khả năng và sự tiến bộ, hòa nhập của mỗi em, không xếp các em vào diện học yếu kém hoặc ngồi nhầm lớp. Thực hiện miễn giảm học thể dục đối với những HS khuyết tật về vận động theo quy định.

+ Ngay từ đầu năm nhà trường tiến hành rà soát danh sách các em nằm trong diện HSKT có giấy tờ (26 em), thực hiện các chế độ chính sách đối với học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn theo quy định hiện hành.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về văn hóa học đường

a) Kết quả thực hiện

- Nhà trường đã ban hành Quy tắc ứng xử trong nhà trường; tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; đồng thời công khai, niêm yết tại các lớp học để thuận tiện theo dõi và thực hiện.

- Công tác xây dựng văn hóa học đường được triển khai đồng bộ và đạt nhiều kết quả tích cực. Môi trường sư phạm ngày càng xanh, sạch, đẹp; nề nếp, kỷ cương trường học được duy trì ổn định. Công tác giáo dục đạo đức, kỹ năng sống và văn hóa ứng xử cho học sinh được tăng cường thông qua các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề và hoạt động tập thể. Đa số học sinh có ý thức chấp hành tốt nội quy nhà trường, lễ phép với thầy cô, đoàn kết với bạn bè; tình trạng vi phạm nội quy và bạo lực học đường giảm rõ rệt. Đội ngũ cán bộ, giáo viên thực hiện tốt chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác giáo dục học sinh.

- Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục học sinh ngày càng được tăng cường, góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và tích cực.

- 100% học sinh thực hiện cam kết chấp hành Quy tắc ứng xử trong nhà trường. Nhà trường tổ chức hiệu quả các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn, tiêu biểu như ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.

- Duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ như CLB Mầm sống xanh, CLB Văn nghệ; xây dựng tủ sách lớp học, góc đọc sách nhằm phát triển văn hóa đọc và tạo môi trường học tập thân thiện cho học sinh.

- Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo và sinh hoạt chuyên đề về đạo đức, kỹ năng sống. Nội dung giáo dục văn hóa học đường được lồng ghép hiệu quả trong các môn học và hoạt động giáo dục tập thể, góp phần hình thành phẩm chất, năng lực và kỹ năng ứng xử văn minh cho học sinh.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Một số học sinh ý thức tự giác trong thực hiện nội quy chưa cao, còn xảy ra tình trạng đi học trễ, chưa thực hiện đúng quy định về đồng phục, tác phong và nề nếp học tập.

- Việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn minh của một bộ phận học sinh chưa thật sự thường xuyên; vẫn còn hiện tượng nói chuyện riêng trong giờ học, sử dụng ngôn ngữ chưa phù hợp trong giao tiếp với bạn bè.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và sinh hoạt tập thể còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

- Công tác phối hợp giữa một số phụ huynh với giáo viên chủ nhiệm trong quản lý, giáo dục học sinh đôi lúc chưa thật sự chặt chẽ và đồng bộ.

- Một số hoạt động giáo dục văn hóa học đường chưa được tổ chức thường xuyên, hình thức tổ chức ở một số thời điểm còn đơn điệu, chưa thu hút mạnh mẽ sự tham gia tích cực của tất cả học sinh.

II. Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, phân luồng và phát triển năng lực số

1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

a) Kết quả thực hiện:

- Ban Giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo toàn thể cán bộ, giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chú trọng vận dụng các phương pháp dạy học tích cực gắn với ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học, qua đó tạo được nhiều chuyển biến tích cực trong hoạt động chuyên môn của nhà trường.

- 100% cán bộ quản lý và giáo viên đứng lớp thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường các hoạt động học tập gắn với thực tiễn cuộc sống; chú trọng phát triển năng lực tự học, tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề cho học sinh. Giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn do Sở GDĐT tổ chức; đồng thời triển khai, chia sẻ lại nội dung tập huấn trong tổ chuyên môn và toàn trường.

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch giáo dục, đảm bảo nội dung chương trình theo quy định, không cắt xén chương trình; chú trọng công tác ôn tập, sửa bài kiểm tra định kỳ và hướng dẫn học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu.

- Công tác quản lý, giám sát hoạt động dạy học được thực hiện thường xuyên thông qua kiểm tra nội bộ, dự giờ, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, sổ đầu bài và phản hồi từ học sinh. Qua đó kịp thời hỗ trợ, điều chỉnh và nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên.

- Giáo viên thực hiện tốt việc chuẩn bị bài giảng trước khi lên lớp; xây dựng kế hoạch bài dạy khoa học, phù hợp với đối tượng học sinh và yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các hoạt động học được thiết kế hợp lý, phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo của học sinh; tăng cường tổ chức cho học sinh học tập cá nhân, thảo luận nhóm, trình bày sản phẩm học tập và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Việc sử dụng thiết bị dạy học, học liệu số và các phần mềm hỗ trợ giảng dạy được quan tâm thực hiện hiệu quả. Nhiều giáo viên chủ động khai thác tài nguyên số, thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng các nền tảng dạy học trực tuyến và công cụ kiểm tra, đánh giá trực tuyến nhằm nâng cao hiệu quả giờ học và phát triển năng lực số cho học sinh.

- Công tác kiểm tra, đánh giá học sinh được thực hiện theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; kết hợp đa dạng các hình thức đánh giá thường xuyên và định kỳ, chú trọng đánh giá quá trình học tập, khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng thực hành của học sinh.

- Nhà trường quan tâm lồng ghép giáo dục hướng nghiệp, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục kỹ năng sống và trải nghiệm sáng tạo trong các hoạt động dạy học, góp phần định hướng nghề nghiệp và phát triển toàn diện cho học sinh

b) Tồn tại, hạn chế:

- Một số giáo viên vẫn còn nặng về phương pháp giảng giải, truyền thụ kiến thức một chiều; việc tổ chức các hoạt động học tập phát huy tính chủ động của học sinh ở một số tiết học chưa thật sự hiệu quả.

- Một số giáo viên trẻ còn hạn chế về kinh nghiệm thực tiễn nên còn lúng túng trong việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học mới cũng như xử lý tình huống sư phạm trên lớp.

- Việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, dạy học ngoài lớp học, dạy học gắn với thực tiễn địa phương chưa được thực hiện thường xuyên do điều kiện cơ sở vật chất, thời gian và kinh phí còn hạn chế.

- Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác học liệu số của một bộ phận giáo viên chưa đồng đều; việc sử dụng các phần mềm, nền tảng số trong dạy học và kiểm tra, đánh giá ở một số môn học còn chưa thường xuyên.

- Một số học sinh còn hạn chế về kỹ năng tự học, kỹ năng hợp tác và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; mức độ chủ động tham gia các hoạt động học tập ở một số lớp chưa cao.

- Trang thiết bị phục vụ đổi mới phương pháp dạy học, đặc biệt là thiết bị công nghệ và học liệu phục vụ chuyển đổi số, tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu dạy học trong giai đoạn hiện nay.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

a) Kết quả thực hiện

- Nhà trường đã triển khai đầy đủ, kịp thời Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên; đồng thời tổ chức quán triệt các văn bản hướng dẫn của ngành về kiểm tra, đánh giá học sinh trong năm học 2025–2026.

- Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT, Căn cứ các công văn hướng dẫn kiểm tra cuối kì của cấp trên, Công văn số 1590/SGDĐT-GDTrH ngày 9/10/2025 của Sở GDĐT TP Đà Nẵng về việc Hướng dẫn tổ chức kiểm tra đánh giá, năm học 2025-2026; Công văn số 2164/SGDĐT-GDTrH ngày 11/11/2025 của Sở GDĐT TP Đà Nẵng về việc Hướng dẫn tổ chức kiểm tra cuối kì 1, năm học 2025-2026, nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch giáo dục và tình hình thực tế của đơn vị.

- Công tác kiểm tra, đánh giá được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, bảo đảm khách quan, công bằng và phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình.

- Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh; tăng cường đánh giá thường xuyên thông qua hỏi đáp, thuyết trình, sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án học tập, hoạt động trải nghiệm, hồ sơ học tập,... góp phần phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

- Các bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ được tổ chức chung đề, chung thời điểm đối với từng khối lớp nhằm đảm bảo tính công bằng, nghiêm túc và khách

quan trọng đánh giá chất lượng học sinh. Công tác ra đề, duyệt đề, bảo mật đề và chấm bài được thực hiện đúng quy chế.

- Giáo viên thực hiện đầy đủ số lần kiểm tra, đánh giá định kỳ theo quy định; đồng thời chủ động tăng cường kiểm tra thường xuyên nhằm theo dõi quá trình học tập của học sinh, kịp thời hỗ trợ, động viên và điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp.

- Việc xây dựng đề kiểm tra được thực hiện theo hướng phát triển năng lực, có ma trận và bản đặc tả đề kiểm tra; kết hợp hợp lý giữa câu hỏi trắc nghiệm và tự luận phù hợp với đặc thù từng môn học và đối tượng học sinh.

- Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét, giáo viên chú trọng tổ chức đánh giá thông qua sản phẩm học tập, bài thực hành, hoạt động trải nghiệm và dự án học tập, góp phần phát huy tính chủ động và sáng tạo của học sinh.

- Đối với môn Khoa học tự nhiên, việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo từng nội dung dạy học; bài kiểm tra định kỳ được xây dựng bảo đảm nội dung của các phân môn Vật lí, Hóa học và Sinh học theo tỷ lệ phù hợp. Việc đánh giá cuối kỳ có sự phối hợp của giáo viên các phân môn nhằm đảm bảo tính toàn diện và thống nhất.

- Đối với môn Lịch sử và Địa lí, việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo từng phân môn; nội dung đề kiểm tra định kỳ bảo đảm phù hợp với thời lượng và yêu cầu cần đạt của từng phân môn đến thời điểm kiểm tra. Giáo viên hai phân môn phối hợp trong công tác đánh giá cuối kỳ học sinh.

- Đối với Nội dung giáo dục địa phương và môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá theo các tiêu chí cụ thể, phù hợp với yêu cầu cần đạt và điều kiện thực tiễn; chú trọng đánh giá quá trình tham gia hoạt động, kỹ năng thực hành và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của học sinh.

- Nhà trường tổ chức kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ đồng loạt cho 100% học sinh các khối lớp theo đúng kế hoạch; đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập của học sinh.

- Các hình thức tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đánh giá qua sản phẩm học tập từng bước được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao ý thức tự học, tự điều chỉnh và tinh thần hợp tác của học sinh trong học tập.

b) Tồn tại, hạn chế

- Một số giáo viên chưa vận dụng thật sự linh hoạt và đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá; việc kết hợp giữa đánh giá bằng điểm số và nhận xét ở một số môn học còn hạn chế.

- Việc xây dựng câu hỏi, bài tập theo định hướng phát triển năng lực và vận dụng thực tiễn ở một số môn học chưa thật sự phong phú; vẫn còn tình trạng chú trọng kiểm tra kiến thức ghi nhớ.

- Một bộ phận học sinh còn hạn chế về kỹ năng tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và kỹ năng trình bày sản phẩm học tập.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm hỗ trợ kiểm tra, đánh giá trực tuyến giữa các giáo viên chưa đồng đều; hiệu quả khai thác học liệu số trong đánh giá học sinh ở một số môn học chưa cao.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

a) Kết quả thực hiện:

- Nhà trường đã triển khai 1 số hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh, bước đầu đạt được những kết quả tích cực. Công tác tuyên truyền, tư vấn nghề nghiệp được thực hiện thường xuyên thông qua các buổi sinh hoạt chuyên đề, tư vấn tuyển sinh, hoạt động trải nghiệm thực tế và phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường THPT trên địa bàn.

- Nội dung giáo dục hướng nghiệp được lồng ghép trong các môn học, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, góp phần giúp học sinh hiểu thêm về thế giới nghề nghiệp, nhu cầu lao động của xã hội và định hướng học tập phù hợp với năng lực, sở trường của bản thân.

- Học sinh từng bước nâng cao nhận thức về việc lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội. Tỷ lệ học sinh quan tâm tìm hiểu ngành nghề, định hướng học tập sau tốt nghiệp THCS ngày càng tăng; công tác phân luồng học sinh sau THCS có nhiều chuyển biến tích cực. 100% học sinh khối 9 được khảo sát nguyện vọng học tập sau khi tốt nghiệp THCS; kết quả khảo sát được sử dụng làm cơ sở cho công tác tư vấn, định hướng và phân luồng học sinh phù hợp.

- Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm phát huy tốt vai trò tư vấn, hỗ trợ học sinh trong việc lựa chọn nghề nghiệp và xây dựng định hướng học tập, nghề nghiệp cho tương lai; thường xuyên phối hợp với phụ huynh để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của học sinh.

- Nhà trường phối hợp với các trường THPT, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và các cơ sở đào tạo nghề tổ chức các buổi giới thiệu chương trình đào tạo, tư vấn tuyển sinh, giúp học sinh và phụ huynh có thêm thông tin về các hướng học tập sau tốt nghiệp THCS. Nhà trường quan tâm tổ chức các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng lựa chọn nghề và kỹ năng lập kế hoạch học tập cho học sinh; từng bước hình thành ý thức chủ động trong định hướng tương lai của các em.

b) Tồn tại, hạn chế

- Công tác tư vấn hướng nghiệp chưa được triển khai thường xuyên, đồng bộ từ các khối lớp 6, 7, 8; chủ yếu tập trung vào học sinh khối 9 nên hiệu quả định hướng lâu dài còn hạn chế.

- Một bộ phận phụ huynh chưa thật sự quan tâm hoặc chưa có đầy đủ thông tin trong việc định hướng nghề nghiệp cho con em; tâm lý vẫn còn tập trung nhiều vào việc học lên THPT mà chưa chú trọng đến năng lực, sở trường và nhu cầu thực tế của học sinh.

- Tài liệu, học liệu phục vụ công tác giáo dục hướng nghiệp dành cho học sinh THCS còn hạn chế, chưa thật sự phong phú và phù hợp với đặc điểm tâm lý

lứa tuổi học sinh.

- Các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp thực tế cho học sinh chưa được tổ chức nhiều do điều kiện kinh phí, thời gian và cơ sở phối hợp còn hạn chế.

- Một số học sinh còn thiếu kỹ năng tìm hiểu thông tin nghề nghiệp, chưa mạnh dạn bày tỏ nguyện vọng và định hướng học tập của bản thân.

4. Thực hiện giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng số, giáo dục trí tuệ nhân tạo, triển khai học bạ số

a) Kết quả thực hiện

Nhà trường đã quan tâm triển khai giáo dục STEM nhằm phát triển năng lực sáng tạo, tư duy logic và kỹ năng thực hành cho học sinh. Giáo viên từng bước lồng ghép kiến thức Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học vào các bài học và hoạt động trải nghiệm phù hợp với từng môn học. Năm học 2025-2026, nhà trường đạt giải **nhì** triển lãm sản phẩm dạy học STEM/STEAM cấp phường và đạt giải **nhì** cấp phường, giải **khuyến khích** sản phẩm nghiên cứu khoa học cấp thành phố. Kết quả này cho thấy các oạt động như thiết kế mô hình, nghiên cứu khoa học, thực hành thí nghiệm, ngày hội STEM được tổ chức, góp phần tạo hứng thú và hiệu quả học tập cho học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

- Công tác giáo dục kỹ năng số được tăng cường thông qua môn Tin học, các tiết học ứng dụng công nghệ thông tin và hoạt động ngoại khóa. Học sinh được hướng dẫn sử dụng máy tính, internet, phần mềm học tập, kỹ năng tìm kiếm và khai thác thông tin phục vụ học tập an toàn, hiệu quả.

- Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số: các phòng làm việc được trang bị máy tính kết nối internet, hệ thống Wifi phủ toàn trường; các lớp học được trang bị TV màn hình lớn phục vụ giảng dạy; phòng Tin học với 30 máy tính kết nối internet đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh.

- Nội dung về trí tuệ nhân tạo (AI) được giới thiệu thông qua các hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ Tin học và tích hợp trong một số môn học, đặc biệt là môn Tin học. Một số giáo viên đã chủ động tìm hiểu, ứng dụng các công cụ AI trong xây dựng học liệu, thiết kế bài giảng và hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học.

- Nhà trường duy trì và cập nhật thường xuyên website trường; thực hiện hiệu quả việc sử dụng phần mềm quản lý điểm, quản lý học sinh và cơ sở dữ liệu ngành. Đồng thời từng bước triển khai học bạ số theo lộ trình của ngành giáo dục.

b) Tồn tại, hạn chế

- Việc triển khai giáo dục STEM còn gặp khó khăn do thiếu thiết bị thực hành, kinh phí tổ chức hoạt động còn hạn chế; một số giáo viên chưa được tập huấn chuyên sâu về giáo dục STEM và AI.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền internet đôi lúc chưa ổn định, ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ trong dạy học và triển khai học bạ số.

- Một số giáo viên còn hạn chế trong việc sử dụng thành thạo các phần mềm, công cụ số và ứng dụng AI phục vụ dạy học.

- Một bộ phận phụ huynh chưa có điều kiện tiếp cận thiết bị thông minh hoặc kỹ năng sử dụng công nghệ, gây khó khăn trong việc khai thác học bạ số và các nền tảng số của nhà trường.

- Việc khai thác tiềm năng của trí tuệ nhân tạo trong cá nhân hóa học tập và hỗ trợ học sinh vẫn còn ở mức bước đầu, chưa được triển khai đồng bộ và thường xuyên.

5. Tham gia tổ chức các kì thi, cuộc thi:

Nhà trường đã tham gia đầy đủ, đảm bảo các cuộc thi, hội thi :

- Tham gia giải chạy Việt dã Vì di sản Hội An năm 2025.
- Tiếng Anh qua mạng IOE, Đấu trường Vioedu: Đã tổ chức thi cấp trường.
- Hội thi Triển lãm sản phẩm dạy học STEM cấp phường do phòng Văn hóa- xã hội phường Hội An Tây tổ chức: giải Nhì(Tổ Khoa học tự nhiên- Công nghệ).
- Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp phường do phòng Văn hóa- xã hội phường Hội An Tây tổ chức: đạt giải Nhì và thành phố tổ chức đạt giải Khuyến khích.
- Tham gia Giao lưu Olympic mùa xuân lần thứ nhất với 35 giải; (trong đó có 01 huy chương Vàng, 12 huy chương Bạc, 16 huy chương Đồng và 6 giải khuyến khích).
- Tham gia Kì thi chọn HSG Cấp thành phố đạt 29 giải, trong đó có 03 giải nhất, 02 giải nhì, 09 giải Ba, 15 giải khuyến khích.
- Tham gia cuộc thi Học sinh giỏi cấp Phường lớp 6,7,8: học sinh giỏi 68giải, trong đó có 08 giải nhì, 21 giải Ba, 39 giải khuyến khích.
- Về phong trào thể dục, thể thao: Đạt 12 huy chương đồng cấp thành phố (trong đó có: 2 huy chương đồng môn Cờ vua, 2 huy chương đồng môn Điền kinh và 8 huy chương đồng môn Bơi lội).
- Kết quả cuộc thi “*Ký ỨC mùa lũ - Chuyện kể từ ông bà*” cấp trường và tham gia dự thi cấp phường đạt kết quả cao với 2 giải nhất, 1 giải ba và giải tập thể xuất sắc nhất.
- Đạt giải B tại Liên hoan văn nghệ “*Thiếu nhi thành phố mừng Đất nước đổi mới - Mừng Đảng quang vinh*” năm 2026 của Thành đoàn Đà Nẵng tổ chức.
- Kết quả thi viết “*Sáng kiến Bạo lực học đường*” cấp phường: 1 giải nhì, 2 giải ba và 1 giải khuyến khích.
- Tham gia Cuộc thi vẽ tranh thiếu nhi với chủ đề “*Bác Hồ với thiếu nhi*” với 05 sản phẩm; tham gia tốt cuộc thi “*Em yêu biển, đảo quê hương*” cấp thành phố với kết quả: có 775 học sinh đăng ký dự thi với 1335 lượt thi
- Tham gia cuộc thi vẽ tranh “*Thành phố Đà Nẵng tôi yêu*” với 10 sản phẩm dự thi và 2 sản phẩm đạt giấy chứng nhận.

III. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

1. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc

a) Kết quả thực hiện

Nhà trường đã tích cực triển khai các giải pháp nhằm củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc đạt được nhiều kết quả tích cực. Công tác điều tra, cập nhật số liệu phổ cập được thực hiện đầy đủ, đúng quy định; hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh lớp 6 đạt 100%. Nhà trường duy trì tốt sĩ số học sinh, hạn chế tình trạng bỏ học, tăng cường phụ đạo học sinh lớp 9 và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Chất lượng giáo dục đại trà từng bước được nâng lên; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình THCS đạt yêu cầu. Công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và địa phương trong vận động học sinh ra lớp được tăng cường, góp phần duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục THCS tại địa phương.

Tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần được duy trì ở mức cao, trên 98%, thể hiện sự tuân thủ tốt đối với quy định của Luật Giáo dục bắt buộc và sự nỗ lực vận động của giáo viên, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, Hội cha mẹ học sinh trong việc quản lý, nắm bắt tình hình học sinh. Thực hiện rà soát, vận động kịp thời đối với học sinh có nguy cơ bỏ học, góp phần giảm thiểu tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng.

b) Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế như: việc duy trì sĩ số ở một số thời điểm còn gặp khó khăn do hoàn cảnh gia đình học sinh; một số học sinh ý thức học tập chưa cao, nguy cơ bỏ học còn tiềm ẩn. Công tác phối hợp với phụ huynh trong quản lý việc học tập của học sinh đôi lúc chưa thường xuyên; việc hỗ trợ học sinh yếu, học sinh có hoàn cảnh khó khăn còn gặp khó khăn về nguồn lực. Một số học sinh thường xuyên đi học muộn, vắng không phép.

2. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

a) Kết quả thực hiện

Thực hiện Công văn số 942/SGDDĐT-GDTH ngày 04/9/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn công tác giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2025-2026 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng và công văn 184/KH-VHXXH ngày 08/9/2025 của Phòng Văn hóa xã hội phường Hội An Tây về Hướng dẫn thực hiện công tác giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập bậc THCS kể từ năm học 2025-2026, nhà trường đã xây dựng kế hoạch số 555/KH-NBK ngày 30/10/2025 về thực hiện công tác giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập năm học 2025-2026. Năm học này nhà trường có 26 học sinh khuyết tật đang theo học hòa nhập (Khối 6: 08em, khối 7: 05 em, khối 8: 13 em).

Giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn đã xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho các học sinh nói trên theo cả năm học, theo từng học kì, phù hợp với năng lực, sở trường, ghi chép các thông tin cũng như mức độ tiến bộ của học sinh và các biện pháp hỗ trợ. Trong kế hoạch bài dạy giáo viên cũng đã xây dựng các nội dung mà các em có thể thực hiện trong các tiết học. Việc kiểm tra,

đánh giá học sinh khuyết tật thực hiện theo Điều 11, Thông tư 22 Quy định về đánh giá xếp loại học sinh THCS và THPT, trên nguyên tắc: động viên, khuyến khích và chú trọng đến quá trình rèn luyện kỹ năng sống, khả năng hòa nhập và sự tiến bộ của học sinh.

- Bố trí giáo viên chủ nhiệm quan tâm, hỗ trợ đặc biệt cho các em.
- Vận động các nhà hảo tâm hỗ trợ học phí, sách vở cho nhiều học sinh khó khăn.
- Hỗ trợ BHYT cho tất cả học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

b) Tồn tại, hạn chế

- Việc áp dụng phương pháp giảng dạy cho học sinh khuyết tật còn hạn chế và chưa thực sự đa dạng, phù hợp với từng loại khuyết tật.
- Phần lớn các giáo viên chưa được đào tạo đầy đủ về các phương pháp giảng dạy đặc biệt. Chưa có giáo viên được đào tạo chuyên sâu về giáo dục hòa nhập.
- Cơ sở vật chất chưa phù hợp với học sinh khuyết tật.

3. Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục dân tộc

a) Kết quả thực hiện

- Nhà trường có 04 học sinh dân tộc thiểu số đang theo học 05 em (03 em lớp 8 và 02 em lớp 9.)
- Quan tâm, chăm sóc đặc biệt về học tập và đời sống cho các em học sinh dân tộc thiểu số.

b) Tồn tại, hạn chế

- Chưa có chương trình hỗ trợ đặc thù cho học sinh dân tộc.

IV. Tiếp tục đổi mới trong công tác quản lý, quản trị trường học và tăng cường công tác kiểm tra

1. Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục

a) Kết quả thực hiện

- Nhà trường đã triển khai nhiều giải pháp đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng nâng cao hiệu quả, dân chủ và trách nhiệm.
- Việc xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ và tổ chức thực hiện được thực hiện khoa học, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và lưu trữ hồ sơ được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả công việc.
- Công tác kiểm tra nội bộ trường học được thực hiện thường xuyên, đúng kế hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế trong hoạt động chuyên môn và nề nếp dạy học.

- Ý thức trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên được nâng lên; kỷ cương, nề nếp trường học tiếp tục được duy trì ổn định. Việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường được phát huy, tạo sự đồng thuận trong tập thể.

b) Tồn tại, hạn chế

- Công tác quản lý và kiểm tra vẫn còn một số hạn chế như: việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị ở một số bộ phận chưa đồng bộ; công tác cập nhật hồ sơ, dữ liệu đôi lúc còn chậm.

- Một số hoạt động kiểm tra chưa thật sự sâu sát, việc theo dõi khắc phục sau kiểm tra có lúc chưa thường xuyên.

- Năng lực quản trị và kỹ năng ứng dụng công nghệ của một số cán bộ, giáo viên còn hạn chế; khối lượng công việc nhiều nên hiệu quả thực hiện một số nhiệm vụ chưa cao.

2. Công tác kiểm tra, giám sát

a) Kết quả thực hiện

- Trong năm học 2025-2026, nhà trường đã triển khai thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo đúng kế hoạch và quy định của ngành giáo dục. Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ cụ thể, phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các bộ phận và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và qui chế kiểm tra nội bộ ngay từ đầu năm học. Qua kiểm tra, giáo viên thực hiện CTGDPT 2018 đảm bảo theo kế hoạch đã xây dựng, BGH và các TTCM thường xuyên dự giờ thăm lớp, không có giáo viên vi phạm quy định về dạy thêm học thêm.

- Công tác kiểm tra tập trung vào các nội dung như: thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách, nề nếp dạy học, việc đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học sinh, công tác chủ nhiệm lớp và việc thực hiện các phong trào thi đua trong nhà trường. Hoạt động dự giờ, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra định kỳ và đột xuất được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Qua kiểm tra, giám sát, nhà trường đã kịp thời phát hiện, nhắc nhở và chấn chỉnh những hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; đồng thời biểu dương, nhân rộng các cá nhân và tập thể thực hiện tốt. Nhờ đó, kỷ cương, nề nếp trường học được duy trì ổn định, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên.

- Xây dựng Tổ kiểm tra nội bộ trường học để kiểm tra theo dõi các hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó, phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân trường học, tạo điều kiện cho tổ chức này thực hiện tốt chức năng của mình.

- Tổ KTNB đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, đã tiến hành kiểm tra các nội dung theo kế hoạch, đạt các chỉ tiêu hằng năm. Hồ sơ công tác kiểm tra được lưu trữ đầy đủ, sắp xếp khoa học, minh chứng khá rõ những việc đã làm.

Tồn tại, hạn chế

- Việc tự kiểm tra ở một số tổ chuyên môn chưa thường xuyên; công tác lưu trữ hồ sơ ở một vài bộ phận còn thiếu khoa học.

3. Tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến

a) Kết quả thực hiện

- 100% lớp học tham gia phong trào "Lớp học sạch đẹp, an toàn".

- Nhà trường đã tổ chức thực hiện nghiêm túc phong trào thi đua gắn với việc thực hiện Chương trình GDPT 2018. Phong trào "Xây dựng trường học hạnh

phúc" được lan tỏa, tạo môi trường giáo dục an toàn, tôn trọng và phát triển toàn diện.

- Đa dạng hóa các hình thức thi đua và đối tượng tham gia, tổ chức các đợt thi đua theo chuyên đề (thi đua hoa điểm tốt, tuần học tốt, giờ học tốt), thi đua giữa các tổ chuyên môn, các lớp.

- Thông qua các đợt thi đua và đánh giá định kỳ, nhà trường đã kịp thời phát hiện, biểu dương các cá nhân giáo viên có thành tích xuất sắc trong đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin, chủ nhiệm giỏi; các học sinh có thành tích học tập, rèn luyện vượt trội và các tập thể lớp tiêu biểu.

V. Kết quả học tập, rèn luyện của từng khối lớp, toàn trường:

- Kết quả rèn luyện:

Lớp	Tổng số HS	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN						Trên TB	
		TỐT		KHÁ		ĐẠT		SL	Tỉ lệ
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ		
TỔNG TOÀN TRƯỜNG	1326	1303	98.27	22	1.66	1	0.08	1326	100.00
TỔNG KHỐI 6	338	335	99.11	3	0.89			338	100.00
TỔNG KHỐI 7	331	325	98.19	6	1.81			331	100.00
TỔNG KHỐI 8	343	334	97.38	8	2.33	1	0.29	343	100.00
TỔNG KHỐI 9	314	309	98.41	5	1.59			314	100.00

- Kết quả học tập:

Lớp	Tổng số HS	KẾT QUẢ HỌC TẬP							
		TỐT		KHÁ		ĐẠT		Trên TB	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
TỔNG TOÀN TRƯỜNG	1326	719	54.22	380	28.66	227	17.12	1326	100.00
TỔNG KHỐI 6	338	191	56.51	88	26.04	59	17.46	338	100.00
TỔNG KHỐI 7	331	190	57.40	88	26.59	53	16.01	331	100.00
TỔNG KHỐI 8	343	179	52.19	104	30.32	60	17.49	343	100.00
TỔNG KHỐI 9	314	159	50.64	100	31.85	55	17.52	314	100.00

- Toàn trường có 1326 học sinh đạt trung bình trở lên, trong đó 424 học sinh đạt loại giỏi (tỉ lệ 31,98%) và 295 học sinh đạt loại xuất sắc đạt tỉ lệ 22,25%; tổng số học sinh đạt loại tốt khá là 82,88%. 100% học sinh lớp 9 được xét hoàn thành chương trình THCS.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong năm học 2025–2026, nhà trường đã triển khai thực hiện nghiêm túc và cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm theo kế hoạch năm học và chỉ đạo của ngành giáo dục. Công tác quản lý, tổ chức dạy học và giáo dục học sinh

được thực hiện nền nếp, đúng quy định; các hoạt động chuyên môn từng bước có nhiều chuyển biến tích cực theo định hướng đổi mới giáo dục phổ thông.

Các tổ chuyên môn duy trì sinh hoạt định kỳ đúng kế hoạch, chú trọng đổi mới nội dung sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài học, trao đổi chuyên môn, dự giờ – rút kinh nghiệm và chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy. Nền nếp chuyên môn được duy trì ổn định; công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra chuyên đề được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và giữ vững kỷ cương trường học.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ; tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác chuyên môn. Nhiều giáo viên tích cực tham gia bồi dưỡng chuyên môn, khai thác học liệu số và ứng dụng các công cụ công nghệ trong giảng dạy.

Chất lượng giáo dục đại trà được duy trì ổn định và từng bước nâng cao. Công tác giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, xây dựng văn hóa học đường, giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng số và hướng nghiệp cho học sinh được quan tâm thực hiện, góp phần phát triển phẩm chất và năng lực học sinh theo yêu cầu Chương trình GDPT 2018. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trải nghiệm sáng tạo được tổ chức phù hợp, tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực cho học sinh.

Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục học sinh ngày càng chặt chẽ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục toàn diện và đảm bảo an ninh, an toàn trường học.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nhà trường vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học và chuyển đổi số còn thiếu ở một số bộ phận; việc đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin ở một số giáo viên chưa đồng đều; một bộ phận học sinh ý thức tự học, kỹ năng tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức vào thực tiễn còn hạn chế.

Tuy nhiên, với tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và sự nỗ lực của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm của năm học, tạo tiền đề thuận lợi để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục trong những năm học tiếp theo.

D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không.

Nơi nhân:

- Đ/c Hiệu trưởng (để b/c)
- Phòng VHXH (để b/c)
- Lưu: VT, HSCM (lưu)

Hội An Tây, ngày 19 tháng 05 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Võ Trương Hoàng Yến

